TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HS-ST
Ngày: 22/4/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Nghĩa**.
2. Ông **Trương Hữu Phước**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Hạnh** - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà **Huỳnh Thị Ngọc Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất: **Huỳnh Thành N**, sinh ngày 30/3/1986 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú/thường trú: Số B, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1957 và bà Đặng Thị C (*đã chết*); vợ: Mai Ngọc Y, sinh năm 1987, có 02 người con (*lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014*); tiền án-tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ-tạm giam từ ngày 18/12/2024 đến ngày 21/01/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo thứ hai: **Nguyễn Phi S**, sinh ngày 01/01/1977 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú/thường trú: Số A, tổ A, ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phi L (*đã chết*) và bà Trương Thị K, sinh năm 1944; vợ: Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1977 (*đã ly hôn*), có 02 người con (*lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2012*); tiền án-tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ-tạm giam từ ngày 18/12/2024 đến ngày 21/01/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo thứ ba: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 01/8/1991 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú/thường trú: Số B, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề

nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960 và bà Phòng Thị H1, sinh năm 1972; vợ: Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1992, có 01 người con sinh năm 2019; tiền án-tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo thứ tư: **Huỳnh Thị Bé B**, sinh ngày 10/02/1969 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú/thường trú: Số B, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H2 (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị X (*đã chết*); chồng: Lý lịch bị can không có thông tin (*tại phiên tòa bị cáo khai chồng Trần Trọng Q đã ly hôn*), có 01 người con sinh năm 1988; tiền án-tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo thứ năm: **Huỳnh Thị Bé T2**, sinh ngày 18/10/1972 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú/thường trú: Số B, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H2 (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị X (*đã chết*); chồng: Lý lịch bị can không có thông tin (*tại phiên tòa bị cáo khai chồng Phan Văn N1 không có đăng ký kết hôn, đã chia tay*), có 01 người con sinh năm 1992; tiền án-tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo thứ sáu: **Bạch Thu T3**, sinh ngày 01/01/1969 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú/thường trú: Số B, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bạch Văn T4 (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị H3 (*đã chết*); chồng: Huỳnh Ngọc C1, sinh năm 1967, có 02 người con (*lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1992*); tiền án-tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. Bị cáo thứ bảy: **Lê Thị Thanh T5**, sinh ngày 10/8/1974 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú/thường trú: Số A, khóm C, phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang T6 (*đã chết*) và bà Phù Kim H4, sinh năm 1947; chồng: Nguyễn Văn Â, sinh năm 1952, có 02 người con (*lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2006*); tiền án-tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

8. Bị cáo thứ tám: **Trần Thị Ngọc O**, sinh ngày 13/9/1984 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú/thường trú: Số A, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hồng P1, sinh năm 1960 và bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1964; chồng: Nguyễn Văn Ư, sinh năm 1971, có 02 người con (*lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2019*); tiền án-tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 15 phút ngày 18/12/2024, Huỳnh Thành N đến nhà Huỳnh Thị Bé B tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Tại đây, N gặp Nguyễn Phi S đang bán vải cho B thì N rủ S đánh bài (*đánh bạc*) ăn thua bằng tiền và được S đồng ý. Lúc này, N nảy sinh ý định rủ nhiều người đến nhà B đánh bài để lấy tiền tiền xâu (*còn gọi là tiền hồ hay tiền hoa hồng*) nên hỏi B mượn nhà sử dụng làm nơi đánh bạc. Sau khi được B đồng ý thì N điện thoại cho Nguyễn Văn T, Bạch Thu T3 đến đánh bài ăn tiền, do lúc này có Lê Thị Thanh T5 đang ở nhà T3 chơi nên T5 đi cùng với T3 đến nhà B để đánh bài. Sau đó, N đi mua bài tây, trên đường Đ gặp Trần Thị Ngọc O nên rủ O đến nhà B để đánh bài thì O đồng ý.

N mua bài tây xong đem đến nhà B, rồi lấy 01 chiếc chiếu trải ra để mọi người cùng bắt đầu đánh bài ăn tiền. Hình thức đánh bài tất cả thống nhất đánh bài binh 06 lá (*binh Ấn Độ*), cách thức ăn thua gồm có 01 tụ bài chủ (*nhà cái*) cược thắng thua với tất cả các tụ bài con, mỗi ván bài thắng thua từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng nếu ai làm cái thì sau khi bỏ cái phải đưa cho N 50.000 đồng tiền xâu (*còn gọi là tiền hồ hay tiền hoa hồng*), không bắt buộc những người tham gia đều phải làm cái (*ai muốn làm thì làm cái nếu bỏ không làm cái thì người kế tiếp được quyền nhận làm cái*).

Bắt đầu đánh bài ăn tiền vào khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, S làm tụ bài chủ chia cho các tụ gồm: Trúc, T3, T, B; còn N nằm võng kế bên để lấy tiền xâu. Đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày thì Trần Thị Ngọc O và Huỳnh Thị B1 T2 cũng đi đến nhà B để cùng tham gia đánh bài ăn tiền với nhau.

S làm tụ bài chủ được khoảng 08 bàn thì chuyển tụ bài cái sang cho T5, T5 làm cái được 03 bàn sau đó chuyển lại cho S tiếp tục làm cái. Trong quá trình đánh bài ăn tiền, N đã nhận được tiền xâu của S đưa 50.000 đồng và T5 đưa cho N 50.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày thì lực lượng Phòng C2 Công an tỉnh V kết hợp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L và Công an xã P kiểm tra bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc (*nơi đang đánh bài ăn tiền*) gồm: 11 bộ bài tây (*mỗi bộ gồm 52 lá bài*), 01 chiếc chiếu dùng để đánh bài; thu giữ số tiền đánh bạc 7.492.000 đồng tại chiếu bạc do S để trước mặt trên chiếu bạc 2.550.000 đồng, O để trước mặt trên chiếu bạc 300.000 đồng, T5 để trước mặt trên chiếu bạc 300.000 đồng, T3 để trước mặt trên chiếu bạc 1.300.000 đồng, T2 để trước mặt trên chiếu bạc 900.000 đồng, B để trước mặt trên chiếu bạc 400.000 đồng, T để trước mặt trên chiếu bạc 1.642.000 đồng và 100.000 đồng Nghĩa thu tiền xâu. Khi lực lượng Công an ập vào, bị cáo B1 T2 hoảng sợ nên gom tiền đánh bạc trước mặt cất vào trong người, khi Công an yêu cầu giao nộp bị cáo đã nộp lại số tiền đánh bạc 900.000 đồng và số tiền không dùng đánh bạc 3.070.000 đồng cho lực lượng Công an thu giữ. Ngoài ra, lực lượng Công an còn thu giữ tài sản cá nhân trên người của Huỳnh Thanh N2 số tiền 1.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S; thu giữ trên người của Huỳnh Thị B1 Bảy số tiền 1.000.000 đồng; thu

giữ trên người của Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7; thu giữ trên người của Trần Thị Ngọc O 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro và số tiền 3.451.000 đồng; thu giữ trên người của Bạch Thu T3 số tiền 3.570.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro; thu giữ trên người của Lê Thị Thanh T5 số tiền 4.730.000 và 01 điện thoại di động hiệu Realme C53; thu giữ trên người của S 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ.

Vật chứng tạm giữ trong vụ án gồm: 11 bộ bài tây, 01 chiếc chiếu, 06 điện thoại di động (01 điện thoại hiệu Iphone 5S, 01 điện thoại hiệu Samsung J7; 02 điện thoại hiệu Oppo F11 Pro; 01 điện thoại hiệu Realme C53 và 01 điện thoại hiệu N3 màu đỏ) và số tiền 24.313.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSLH, ngày 06/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ đã truy tố các bị cáo: Huỳnh Thành N, Nguyễn Phi S, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thị Bé B, Huỳnh Thị Bé T2, Bạch Thu T3, Lê Thị Thanh T5 và Trần Thị Ngọc O về tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và phát biểu quan điểm các vấn đề khác liên quan đến vụ án: Khẳng định nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã đề nghị truy tố đối với các bị cáo Huỳnh Thành N, Nguyễn Phi S, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thị Bé B, Huỳnh Thị Bé T2, Bạch Thu T3, Lê Thị Thanh T5 và Trần Thị Ngọc O về tội: "Đánh bạc" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật; phân tích đánh giá tác hại của hành vi các bị cáo đã thực hiện, nhận định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Thành N, Nguyễn Phi S, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thị Bé B, Huỳnh Thị Bé T2, Bạch Thu T3, Lê Thị Thanh T5 và Trần Thị Ngọc O phạm tội "Đánh bạc".

* Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; khoản 1 Điều 65; Điều 17, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Thành N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm; phạt bổ sung bị cáo từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm; phạt bổ sung bị cáo từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

* Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; khoản 1 Điều 36; Điều 17, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cá nhân cho bị cáo; phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Bé B từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cá nhân cho bị cáo; phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Bé T2 từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cá nhân cho bị cáo; phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Bạch Thu T3 từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cá nhân cho bị cáo; phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh T5 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cá nhân cho bị cáo; phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc O từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cá nhân cho bị cáo; phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

* Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 7.492.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S có gắn sim số 0971.786.582.

* Đề nghị tịch thu tiêu huỷ 11 bộ bài tây, 01 chiếc chiếu.

* Đề nghị trả lại cho các bị cáo, cụ thể như sau: Trả lại cho bị cáo Huỳnh Thanh N2 số tiền 1.000.000 đồng; trả lại bị cáo Huỳnh Thị B1 Tám số tiền 3.070.000 đồng; trả lại bị cáo Huỳnh Thị B1 Bảy số tiền 1.000.000 đồng; trả lại bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 có gắn sim số 0332.991.184; trả lại cho bị cáo Trần Thị Ngọc O 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro có gắn sim số 0398.433.279 và số tiền 3.451.000 đồng; trả lại cho bị cáo Bạch Thu T3 số tiền 3.570.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro có gắn sim số 0919.028.382; trả lại cho bị cáo Lê Thị Thanh T5 số tiền 4.730.000 và 01 điện thoại di động hiệu Realme C53 có gắn sim số 0989.337.029; trả lại cho bị cáo Nguyễn Phi S 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ có gắn sim số 0769.391.340. Tiếp tục tạm giữ các tài sản trên của các bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Đề nghị buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

***- Lời trình bày của các bị cáo*:** Các bị cáo đều thừa nhận đã thực hiện hành vi đánh bài ăn tiền như nội dung cáo trạng miêu tả. Các bị cáo không tranh luận gì với luận tội của Kiểm sát viên. Trong phần lời nói sau cùng, các bị cáo nhận ra sai trái, bày tỏ thái độ hối hận và hứa sau này không tái phạm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ đến mức thấp nhất hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời trình bày của các bị cáo Huỳnh Thành N, Nguyễn Phi S, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thị Bé B, Huỳnh Thị Bé T2, Bạch Thu T3, Lê Thị Thanh T5 và Trần Thị Ngọc O tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai các bị cáo tại Cơ quan

điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo Huỳnh Thành N, Nguyễn Phi S, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thị Bé B, Huỳnh Thị Bé T2, Bạch Thu T3, Lê Thị Thanh T5 và Trần Thị Ngọc O đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh bài binh 06 lá (*binh Ấn độ*) sát phạt lẫn nhau để được (*thắng*) thua bằng tiền, cụ thể như sau: Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 18/12/2024, Huỳnh Thành N chủ động rủ Nguyễn Phi S, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thị Bé B, Huỳnh Thị Bé T2, Bạch Thu T3 và Trần Thị Ngọc O đến nhà của bị cáo Huỳnh Thị Bé B tại số B, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long để đánh bài ăn thua bằng tiền thì tất cả đồng ý, bị cáo Lê Thị Thanh T5 được bị cáo T3 rủ đi cùng. Để thực hiện hành vi phạm tội, tại đây bị cáo N trải chiếc chiếu và đưa bài tây loại 52 lá cho các bị cáo S, T, O, T5, T3, B, T2 thực hiện đánh bài ăn tiền. N giao kết xoay vòng từng người làm cái còn gọi là tụ bài chủ sẽ thắng thua trực tiếp với tất cả các tụ bài con (*những tụ bài còn lại*), mỗi bàn thắng thua nhau từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, sau khi xuống cái thì tụ bài chủ phải đưa cho bị cáo N 50.000 đồng tiền xâu (*còn gọi là tiền hồ hay tiền hoa hồng*) do bị cáo N đứng ra mua bài, trải chiếu sẵn cho các bị cáo đánh bài ăn tiền, bị cáo N chỉ nằm võng kế bên để lấy tiền xâu. Đến 14 giờ 20 phút cùng ngày trong lúc các bị cáo S, T2, B, T3, T5, T, O đang đánh bài, N nằm võng chờ lấy tiền xâu thì lực lượng Công an bắt quả tang thu giữ 01 chiếc chiếu do các bị cáo dùng trãi ra ngồi đánh bài với nhau và số tiền 7.392.000 đồng của các bị cáo để trước tụ bài trên chiếu bạc trước mặt các bị cáo dùng để đánh bạc, 01 bộ bài tây 52 lá và thu giữ số tiền 100.000 đồng bị cáo N thu tiền xâu.

Dấu hiệu hành vi vừa nêu của các bị cáo Huỳnh Thành N, Nguyễn Phi S, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thị Bé B, Huỳnh Thị Bé T2, Bạch Thu T3, Lê Thị Thanh T5 và Trần Thị Ngọc O đã cấu thành tội "*Đánh bạc*". Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi đồng phạm tham gia đánh bạc mang tính giản đơn, không có sự câu kết chặt chẻ nên mỗi bị cáo chịu hình phạt tương xứng với hành vi thực hiện, cụ thể như sau:

Bị cáo Nghĩa là người rủ rê, lôi kéo người khác tham gia đánh bạc, tuy bị cáo không trực tiếp đánh bạc nhưng đã chuẩn bị phương tiện đánh bạc (*mua bài tây, trải chiếu để đánh bạc*) giúp sức cho các bị cáo còn lại thực hiện hành vi đánh bạc để bị cáo lấy tiền xâu; bị cáo S là người tham gia tích cực trong quá trình đánh bạc, đã dùng số tiền đánh bạc nhiều hơn các bị cáo còn lại và bị cáo là người làm nhà cái nhiều lần để thắng thua với các tụ bài khác. Vì vậy, khi quyết định hình phạt đối với 02 bị cáo nghiêm khắc cao hơn các bị cáo khác.

Bị cáo Huỳnh Thị Bé B là người đồng ý cho bị cáo N kêu gọi các bị cáo khác đến nhà bị cáo đánh bạc và bị cáo cùng tham gia đánh bạc; bị cáo T5 tham gia tích cực làm cái 03 lần để thắng thua trực tiếp với các bị cáo còn lại. Vì vậy vai trò 02 bị cáo ngang nhau nên chịu hình phạt bằng nhau và cao hơn các bị cáo còn lại.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là những người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng vì động cơ vụ lợi cố ý thực hiện hành vi đánh bạc nhằm sát phạt nhau ăn thua bằng tiền gây ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội, hành vi này đã xâm phạm đến các quy định và điều cấm của Nhà nước, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó cần phải xử lý các bị cáo tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để răn đe, giáo dục cho các bị cáo thấy được sai trái mà sửa chữa trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng:

Không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ:

Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thật thà nhận tội, thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, khi quyết định hình phạt áp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Riêng bị cáo O có chồng là người từng tham gia trong quân đội có nhiều thành tích được tặng thưởng danh hiệu và giấy khen nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét thấy các bị cáo có nhân thân, hạnh kiểm tốt, có địa chỉ cư trú rõ ràng, số tiền từng bị cáo bỏ ra để đánh bạc không lớn (*từ 50.000 đồng đến 3.900.000 đồng*); riêng 02 bị cáo N và S thời gian tạm giam vừa qua cũng đủ răn đe giáo dục các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly ra khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục cũng đủ răn đe các bị cáo sau này, đồng thời tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo và tự sửa chữa bản thân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Hình phạt bổ sung: Trong vụ án này, bị cáo N giữ vai trò chính là người rủ rê, chuẩn bị công cụ (*bài tây*) cho các bị cáo còn lại thực hiện hành vi đánh bạc để lấy tiền xâu (*tiền hoa hồng*) và bị cáo S là người bỏ ra số tiền đánh bạc nhiều hơn các bị cáo còn lại và là người làm tụ nhà cái nhiều hơn để ăn thua với các tụ bài còn lại nên cần phạt bổ sung mỗi bị cáo 01 khoản tiền để sung ngân sách Nhà Nước nhằm răn đe bị cáo sau này; miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo còn lại do các bị cáo tham gia số tiền không lớn, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

[7] Vật chứng đang tạm giữ và biện pháp tư pháp:

- Đối với 11 bộ bài tây và 01 chiếc chiếu bị tạm giữ là công cụ phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền đang tạm giữ 24.313.000 đồng. Quá trình điều tra và trình bày của các bị cáo tại phiên tòa đã xác định trong số tiền đang tạm giữ 24.313.000 đồng có 7.492.000 đồng là tiền các bị cáo dùng đánh bạc (*trong đó có 100.000 đồng tiền xâu các bị cáo đưa cho bị cáo N*) bị bắt quả tang tại chiếc bạc và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S có gắn sim số 0971.786.582 do bị cáo N liên lạc tìm người đánh bạc nên tịch thu sung ngân sách Nhà Nước. Còn lại số tiền 16.821.000 đồng và 05 điện thoại di động thu giữ trên người các bị cáo, quá trình điều tra xác

định đây là tài sản riêng của cá nhân các bị cáo không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nên trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục giữ để đảm bảo thi hành án, cụ thể như sau: Trả lại cho bị cáo Huỳnh Thanh N2 số tiền 1.000.000 đồng; trả lại bị cáo Huỳnh Thị B1 Tám số tiền 3.070.000 đồng; trả lại bị cáo Huỳnh Thị B1 Bảy số tiền 1.000.000 đồng; trả lại bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động hiệu S1; trả lại cho bị cáo Trần Thị Ngọc O 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro và số tiền 3.451.000 đồng; trả lại cho bị cáo Bạch Thu T3 số tiền 3.570.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu O1; trả lại cho bị cáo Lê Thị Thanh T5 số tiền 4.730.000 và 01 điện thoại di động hiệu Realme C53; trả lại cho bị cáo Nguyễn Phi S 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và 628.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Huỳnh Thành N, Nguyễn Phi S, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thị Bé B, Huỳnh Thị Bé T2, Bạch Thu T3, Lê Thị Thanh T5** và **Trần Thị Ngọc O** phạm tội "*Đánh bạc"*.

1.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thành N** 01 (*một*) năm tù cho hưởng án treo - thời gian thử thách là 02 (*hai*) năm kể từ ngày tuyên án (*Ngày 22/4/2025*).

Phạt bổ sung bị cáo N số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) buộc bị cáo nộp sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Huỳnh Thành N cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phi S** 01 (*một*) năm tù cho hưởng án treo - thời gian thử thách là 02 (*hai*) năm kể từ ngày tuyên án (*Ngày 22/4/2025*).

Phạt bổ sung bị cáo S số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) buộc bị cáo nộp sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Phi S cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(*Đã giải thích toàn văn khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với người bị kết án*).

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thị Bé B** 01 (*một*) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thị Bé T2** 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo **Bạch Thu T3** 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T, Huỳnh Thị Bé B, Huỳnh Thị Bé T2, Bạch Thu T3 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối với Ủy ban nhân dân xã P, huyện L trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo **Lê Thị Thanh T5** 01 (*một*) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo T5 cho Ủy ban nhân dân phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối với Ủy ban nhân dân phường I, thành phố V trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo **Trần Thị Ngọc O** 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo O cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối với Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng và Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vật chứng có trong biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 07/3/2025 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện L và Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ được xử lý như sau:

- Tịch thu tiêu hủy: 11 (*mười một*) bộ bài tây và 01 chiếc chiếu.

- Tịch thu sung ngân sách nhà Nước số tiền 7.492.000 đồng (*bảy triệu, bốn trăm chín mươi hai ngàn đồng* và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S có gắn sim số 0971.786.582.).

- Trả lại cho các bị cáo những tài sản sau nhưng tiếp tục giữ để đảm bảo thi hành án:

+ Trả lại cho bị cáo Huỳnh Thanh N2 số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

+ Trả lại bị cáo Huỳnh Thị Bé T2 số tiền 3.070.000 đồng (*ba triệu, không trăm bảy mươi ngàn đồng*).

+ Trả lại bị cáo Huỳnh Thị Bé B số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

+ Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Samsung J7 có gắn sim số 0332.991.184.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Thị Ngọc O 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro có gắn sim số 0398.433.279 và số tiền 3.451.000 đồng (*ba triệu, bốn trăm năm mươi mốt ngàn đồng*).

+ Trả lại cho bị cáo Bạch Thu T3 số tiền 3.570.000 đồng (*ba triệu, năm trăm bảy mươi ngàn đồng*) và 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro có gắn sim số 0919.028.382.

+ Trả lại cho bị cáo Lê Thị Thanh T5 số tiền 4.730.000 đồng (*bốn triệu, bảy trăm ba mươi ngàn đồng*) và 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Realme C53 có gắn sim số 0989.337.029.

+ Trả lại cho bị cáo S 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ có gắn sim số 0769.391.340.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Quốc hội. Buộc Huỳnh Thành N, Nguyễn Phi S, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thị Bé B, Huỳnh Thị Bé T2, Bạch Thu T3, Lê Thị Thanh T5 và Trần Thị Ngọc O, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Tuấn